

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26-4-2019

Kiến yêu cầu không công nhận là vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Vũ Xuân Thụ.

- Ông Hoàng Tuyển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 342/2018/TLST - HNGĐ, ngày 13 tháng 12 năm 2018, về việc kiện “Yêu cầu không công nhận là vợ chồng, tranh chấp nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Tường V, sinh năm 1982; có mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1979; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc nguyên đơn chị Trịnh Thị Tường V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị Tường V và anh Nguyễn Đình T sống với nhau năm 2009, anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi về sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân

là do mâu thuẫn về kinh tế, anh T vay nợ bên ngoài nhiều mà vợ con không biết, nên không khí gia đình hết sức căng thẳng, nặng nề. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không có đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa án tuyên bố không phải là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Chị Trịnh Thị Tường V và anh Nguyễn Đình T có 02 con chung là: Nguyễn Gia H, sinh ngày 03/12/2009; Nguyễn Bảo H, sinh ngày 16/10/2011. Hiện nay, cháu H đang ở với anh T, cháu H đang ở với chị V. Chị V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu cho đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trịnh Thị Tường V yêu cầu anh Nguyễn Đình T cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng để chị V nuôi dưỡng cháu H cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và các khoản nợ: Chị Trịnh Thị Tường V và anh Nguyễn Đình T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình làm việc bị đơn anh Nguyễn Đình T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đình T và chị Trịnh Thị Tường V chung sống với nhau từ năm 2009 trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống với nhau anh chị hay xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Mặc dù, đã cố gắng nhiều để vợ chồng đoàn tụ nhưng vẫn không có kết quả. Nay anh T nhận thấy không còn tình cảm với chị V nữa nên đồng ý với yêu cầu của chị V, yêu cầu Tòa án tuyên bố anh chị không phải là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Anh T và chị V và có 02 con chung như chị V trình bày. Anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, còn cháu H để cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và các khoản nợ: Anh Nguyễn Đình T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trịnh Thị Tường V và anh Nguyễn Đình T chung sống với nhau từ năm 2009 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do mâu thuẫn nên chị V khởi kiện yêu cầu không công nhận là vợ chồng với anh T và Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

Bị đơn anh Nguyễn Đình T đã được Tòa án triệu tập đến tham gia phiên tòa, nhưng anh đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên theo quy định tại khoản 1 Điều

227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung: Chị Trịnh Thị Tường V và anh Nguyễn Đình T chung sống với nhau từ năm 2009, trong cuộc sống hai bên thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên không có cùng quan điểm sống, mâu thuẫn với nhau về kinh tế. Hiện nay, anh chị cũng không còn chung sống với nhau. Xét thấy, anh chị không còn yêu thương, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau, thực tế hôn nhân không còn tồn tại, nếu tiếp tục chung sống cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai người. Vì vậy, cần cho chị V và anh T được ly hôn, để giải phóng sự ràng buộc giữa hai người.

Tuy nhiên, chị V và anh T chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy, đây không phải là hôn nhân hợp pháp, căn cứ vào các Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình nên không giải quyết cho anh chị theo thủ tục ly hôn được mà cần tuyên bố không công nhận chị V và anh T là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Chị Trịnh Thị Tường V và anh Nguyễn Đình T có 02 con chung là: Nguyễn Gia H, sinh ngày 03/12/2009; Nguyễn Bảo H, sinh ngày 16/10/2011. Tại phiên tòa, chị V yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H, còn để cháu H cho anh T nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành.

Xét về điều kiện kinh tế của hai người sau khi ly hôn và để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của các cháu cũng như khả năng nuôi dạy con của cả hai người. Mặt khác, hiện nay cháu H còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ; cháu H có nguyện vọng được sống với anh T. Vì vậy, cần giao cháu Nguyễn Gia H cho anh Nguyễn Đình T, giao cháu Nguyễn Bảo H cho chị Trịnh Thị Tường V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị V và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[5] Về tài sản chung và các khoản nợ: Chị Trịnh Thị Tường V và anh Nguyễn Đình T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[6] Về án phí dân sự: Chị Trịnh Thị Tường V phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/QH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị Tường V. Tuyên bố chị Trịnh Thị Tường V và anh Nguyễn Đình T không phải là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo H, sinh ngày 16/10/2011 cho chị Trịnh Thị Tường V; giao cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 03/12/2009 cho anh Nguyễn Đình T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trịnh Thị Tường V và anh Nguyễn Đình T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Chị Trịnh Thị Tường V và anh Nguyễn Đình T có quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và các khoản nợ: Chị Trịnh Thị Tường V và anh Nguyễn Đình T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

5. Về án phí dân sự: Chị Trịnh Thị Tường V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị Trịnh Thị Tường V đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số: AA/2017/0008911, ngày 04 tháng 12 năm 2018.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trịnh Thị Tường V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nguyễn Đình T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Đăng Khoa